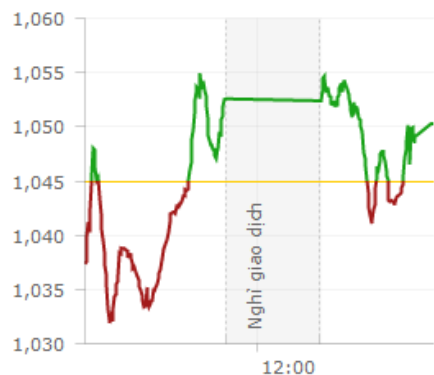


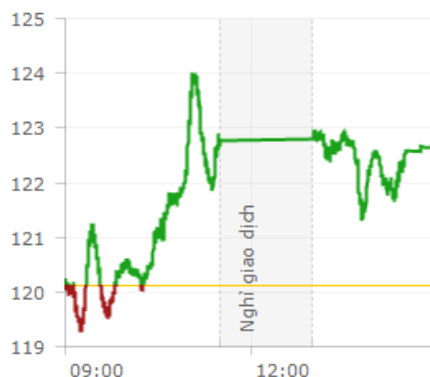
BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ VÀ XU THẾ THEO NGÀY

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG TUẦN 23/04/2018 – 27/04/2018

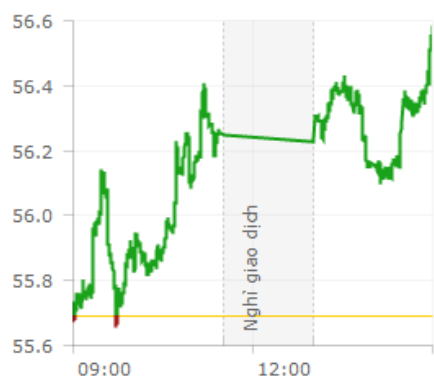
Vn-index: 5.40 điểm (0.52%)



Hnx-index: 2.53 điểm (2.10%)



Upcom-index: 0.87 điểm (1.57%)



Phân tích kỹ thuật Vn-index

Xu thế ngắn hạn: **Tăng**
Xu thế trung hạn: **GIẢM**
Xu thế dài hạn: **Tăng**

Tổng hợp: (Tuần giao dịch ngày (23-27)/04/2018). Với 2 phiên tăng và 2 phiên giảm nhưng tổng kết lại là một tuần giao dịch giảm điểm rất mạnh của chứng khoán Việt Nam. Kết thúc tuần, chỉ số Vn-index giảm 69,6 điểm (-6,22%) xuống 1.050,26 điểm với khối lượng giao dịch đạt 804,65 triệu CP, trị giá 26.133,6 tỷ đồng; Chỉ số Hn-index giảm 9,93 điểm (-7,49%) xuống 122,64 điểm với khối lượng giao dịch đạt 237,97 triệu CP, trị giá 3.825,56 tỷ đồng.

Thanh khoản: Thanh khoản thị trường tuần qua có sự sụt giảm khá so với tuần trước vì có một ngày nghỉ lễ 25/04. Tổng khối lượng giao dịch trên 2 sàn đạt 1.042,62 triệu CP, trị giá 29.959,17 tỷ đồng. Trung bình khối lượng giao dịch trong phiên tăng 4% trên sàn HSX và 16% trên sàn HNX so với tuần trước. Về giá trị thì có sự sụt giảm 7% trên sàn HSX và tăng 16% trên sàn HNX. Giao dịch thỏa thuận trong tuần có hơn 215 triệu CP trao tay, trị giá hơn 3.754, tỷ đồng giảm mạnh cả khối lượng và giá trị so với tuần trước.

Diễn biến: Diễn biến giao dịch TTCK Việt Nam trong tuần (23 – 27)/04/2018 rất giống với tuần trước đó với những phiên tăng, giảm đan xen mà biên độ biến động của những phiên giảm điểm luôn áp đảo.

Mở phiên đầu tuần là một cú sốc giảm điểm cực mạnh khiến cho nhà đầu tư hoang mang và lo sợ. Các nhóm CP vốn hóa lớn, tài chính và BĐS đua nhau kéo xuống mức giá sàn như VPB, VCB, MBB, HDB, BID, CTG, SSI, HCM, VND, BVH, DXG, HBC, NLG... đã trở thành nỗi ám ảnh của nhà đầu tư.

Sau phiên giảm mạnh, tâm lý của nhà đầu tư dần ổn định hơn, đặc biệt là khi chỉ số Vn-index đã giữ được ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 1.050 điểm, qua đó giúp thị trường đảo chiều tăng điểm ngoạn mục trên cả 2 sàn trong phiên ngày thứ 3. Vẫn là nhóm CP vốn hóa lớn với sự dẫn dắt của các mã như VIC, VRE, BID, GAS... đã giúp cho thị trường lấy lại được sự tích cực. Tuy nhiên, nhiều CP khác vẫn đang chịu áp lực bán khá mạnh như nhóm chứng khoán, BĐS hay ngân hàng khiến cho sự hồi phục không chắc chắn. Hơn nữa thanh khoản trong phiên hồi phục cũng có sự sụt giảm nhẹ làm cho nhiều nhà đầu tư cho rằng xu hướng giảm vẫn đang chiếm ưu thế.

Sau ngày nghỉ lễ thứ 4, thị trường bước vào phiên giao dịch với thông tin âm ảm từ sự giảm khá mạnh của chứng khoán Mỹ đã khiến thị trường Việt Nam tiếp tục chìm trong biển lửa. Áp lực bán đã trải rộng trên nhiều nhóm cổ phiếu, đặc biệt là các mã CP vốn hóa lớn như BVH, CTG, GAS, PLX, SSI, VND, VPB... đều bị kéo xuống mức giá sàn. Trong khi các cổ phiếu lớn khác là VRE, VCB, TPB, STB, MSN, MBB, VCI, HDB... cũng đều lao dốc rất mạnh.

Phiên giao dịch cuối tuần hôm nay với kịch bản rất giống với phiên cuối tuần trước đó. Đó là sự phục hồi khá mạnh mẽ đến từ nhóm CP trụ cột. Đáng kể nhất là PLX và ROS, hai cổ phiếu này đều kết thúc phiên ở mức giá trần. PLX phiên hôm nay khớp lệnh 1,1 triệu cổ phiếu, còn ROS là hơn 800 nghìn cổ phiếu. Bên cạnh đó, rất nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn khác đều bật tăng mạnh và giúp duy trì được sắc xanh của các chỉ số như VCB, SHB, SSI, VNM, CTG, FPT... Trong đó, VCB tăng 3,1% lên 60.000 đồng/CP. Nhóm cổ phiếu ngân hàng và chứng khoán sau đợt sụt giảm sâu vừa qua thì cũng có sự hồi phục

Phân tích kỹ thuật Hnx-index

Xu thế ngắn hạn: **Tăng**
Xu thế trung hạn: **GIẢM**
Xu thế dài hạn: **Tăng**

mạnh. VND tăng kịch trần lên 27.200 đồng/CP. CTG tăng 3,7% lên 29.300 đồng/CP. STB tăng 3,7% lên 13.650 đồng/CP. SSI tăng 3,4% lên 36.000 đồng/CP. Trong khi đó, nhóm dầu khí đã đi ngược lại sự hồi phục của thị trường chung. Trong đó, GAS kết thúc phiên ở mức giá sàn 111.500 đồng/CP. PVS và PVD đều giảm trên 3%. Tóm lại thị trường đã có sự phục hồi khá mạnh trong phiên cuối tuần, nhưng sự e dè của nhà đầu tư vẫn khiến đà tăng của thị trường chưa thực sự bền vững.

Khối ngoại: Trong tuần qua, khối ngoại vẫn duy trì trạng thái bán ròng trên cả 2 sàn. Cụ thể, trên sàn HSX họ giao dịch trị giá 10.646,36 tỷ đồng với giá trị bán ròng đạt 690,64 tỷ đồng. Trên sàn HNX, họ giao dịch trị giá 281,87 tỷ với giá trị bán ròng đạt 54,41 tỷ đồng.

Nhóm ngành: Trong tuần qua hầu hết các nhóm ngành đều giảm điểm, thậm chí giảm khá mạnh như nhóm dầu khí giảm 12,62%, ngân hàng giảm 8,55%, công nghệ thông tin giảm 8,44%, vật liệu xây dựng giảm 5,27%... Chỉ có 2 nhóm ngành là đi ngược xu hướng thị trường là BĐS tăng nhẹ 0,5% và nhóm bản lẻ tăng 3,7%.

Nhóm CP vốn hóa lớn: Mặc dù phục hồi khá ấn tượng trong phiên cuối tuần nhưng tính chung lại hầu hết các CP vốn hóa lớn đều giảm điểm khá mạnh trong tuần qua. Trong 10 mã vốn hóa lớn nhất thị trường thì chỉ có VIC đóng tuần trong sắc xanh, VNM giữ tham chiếu. Còn lại các mã như BVH, CTG, VCB, SAB, MSN, VRE, VJC chìm trong sắc đỏ.

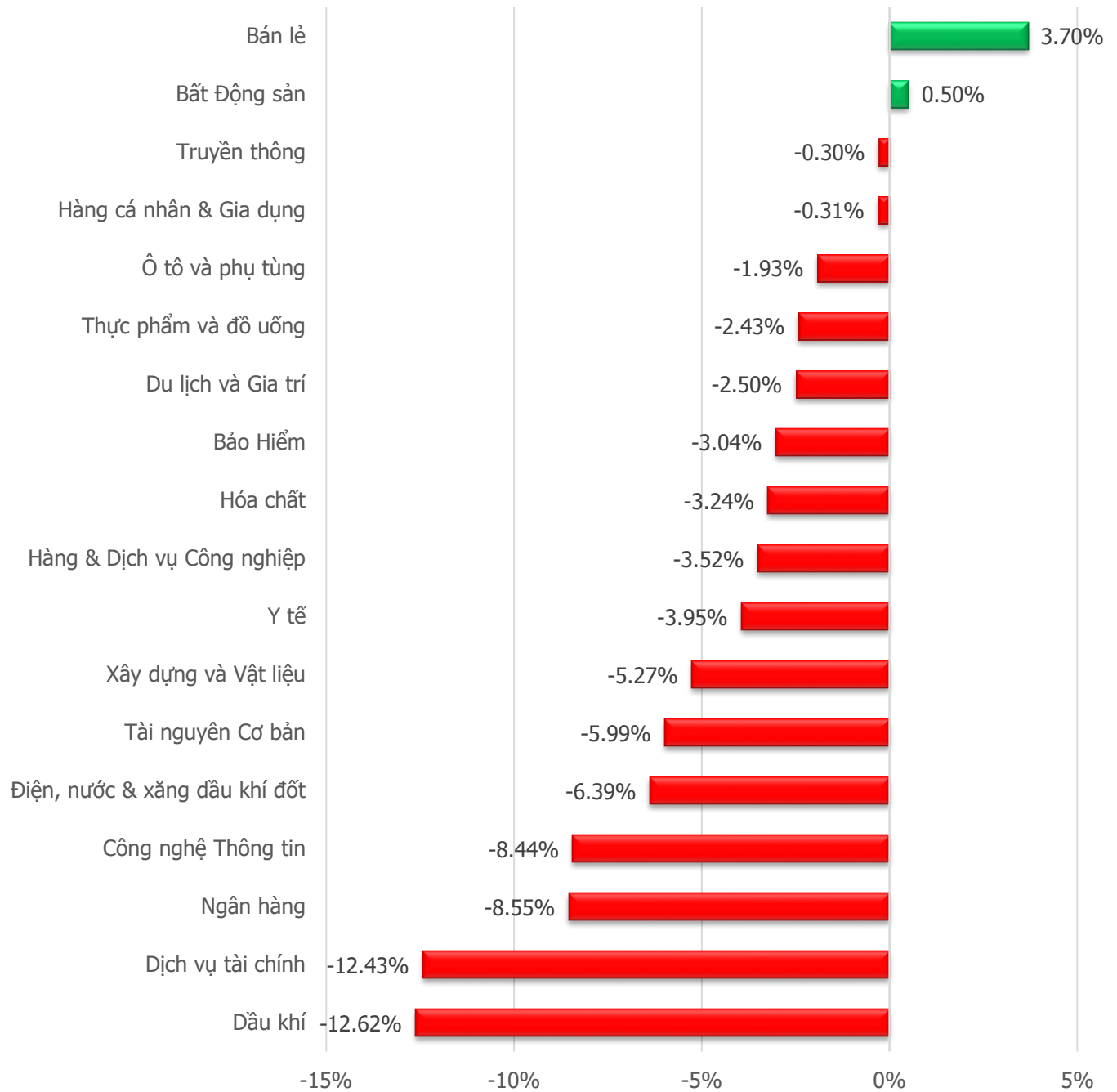
Nhóm CP tài chính: Ngân hàng và chứng khoán là nhóm CP giảm khá mạnh trong tuần vừa qua và hầu hết các đều giảm khá sâu.

Nhóm CP đột biến: Nhóm CP đột biến trong tuần gồm có các mã như SBT giao dịch 12,2 triệu CP, ASM 6,7 triệu CP, SSI 5,4 triệu CP, HQC 2,34 triệu CP. Trong đó chỉ có ASM kết thúc tuần trong sắc xanh, còn lại đều giảm điểm.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ: Sau phiên giảm mạnh hôm qua, thị trường đã có sự hồi phục trong phiên cuối tuần hôm nay. Sắc xanh đã bắt đầu len lỏi lên một vài nhóm CP mà có sự sụt giảm khá mạnh trong những phiên vừa qua. Tuy nhiên, sự phục hồi vẫn chưa đủ thuyết phục khi mà thanh khoản vẫn chưa đột biến và biên độ tăng điểm là vừa phải. Xét về phân tích kỹ thuật đã có tín hiệu phục hồi nho nhỏ trên biểu đồ ngày với sự phản ứng nhanh Stochastic cho dấu hiệu mua. Nhưng xét trên biểu đồ tuần thì cả 2 chỉ số đều đang đồng thuận với xác suất giảm điểm chiếm tỷ lệ cao hơn. Đặc biệt là trên biểu đồ tháng với mẫu hình nến giảm giá "Bearish Engulfing" trên cả 2 chỉ số đang khiến cho áp lực bán hoàn toàn chiếm thế chủ động. Vì vậy, việc quay lại trạng thái mua và nắm giữ CP trong giai đoạn hiện nay tiềm ẩn khá nhiều rủi ro. Mà thay vào đó có thể là chiến thuật đánh nhanh, rút gọn khi cần mua trong những phiên giảm sâu và cần bán ngay khi thị trường hồi phục theo trường phái lướt sóng ngắn hạn.

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU THEO NHÓM NGÀNH THEO TUẦN

Biến động giá theo ngành



NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN THEO NGÀY

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
FRT	160,500	10,500	7.00%	2,520,730
GIL	42,800	2,800	7.00%	34,710
VHG	1,070	70	7.00%	289,270
TCH	26,800	1,750	6.99%	1,387,810
ROS	86,000	5,600	6.97%	857,740

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
KHL	400	100	33.33%	39,400
DNM	17,600	1,600	10.00%	100
SDE	1,100	100	10.00%	100
PEN	7,700	700	10.00%	100
TPP	11,000	1,000	10.00%	1,400

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
TIX	33,400	-2,500	6.96%	20
NVL	61,500	-4,600	6.96%	889,660
GAS	111,500	-8,300	6.93%	953,420
VHC	59,400	-4,400	6.90%	1,102,970
HOT	33,750	-2,500	6.90%	1,560

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
KHB	600	-100	-14.29%	62,500
ACM	800	-100	-10.00%	112,200
BII	800	-100	-11.11%	118,000
KSK	900	-100	-10.00%	105,200
LUT	1,800	-200	-10.00%	18,300

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SBT	18,100	650	3.72%	12,169,700
ASM	14,800	200	1.37%	6,705,370
SSI	36,000	1,200	3.45%	5,390,690
HQC	2,050	30	1.49%	3,500,010
TDH	14,200	-950	-6.27%	2,339,580

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVS	18,200	-700	-3.70%	5,917,147
ACB	42,400	1,800	4.43%	4,667,596
VCG	18,300	-200	-1.08%	2,169,045
NSH	12,100	0	0.00%	990,400
NVB	9,500	0	0.00%	729,900

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

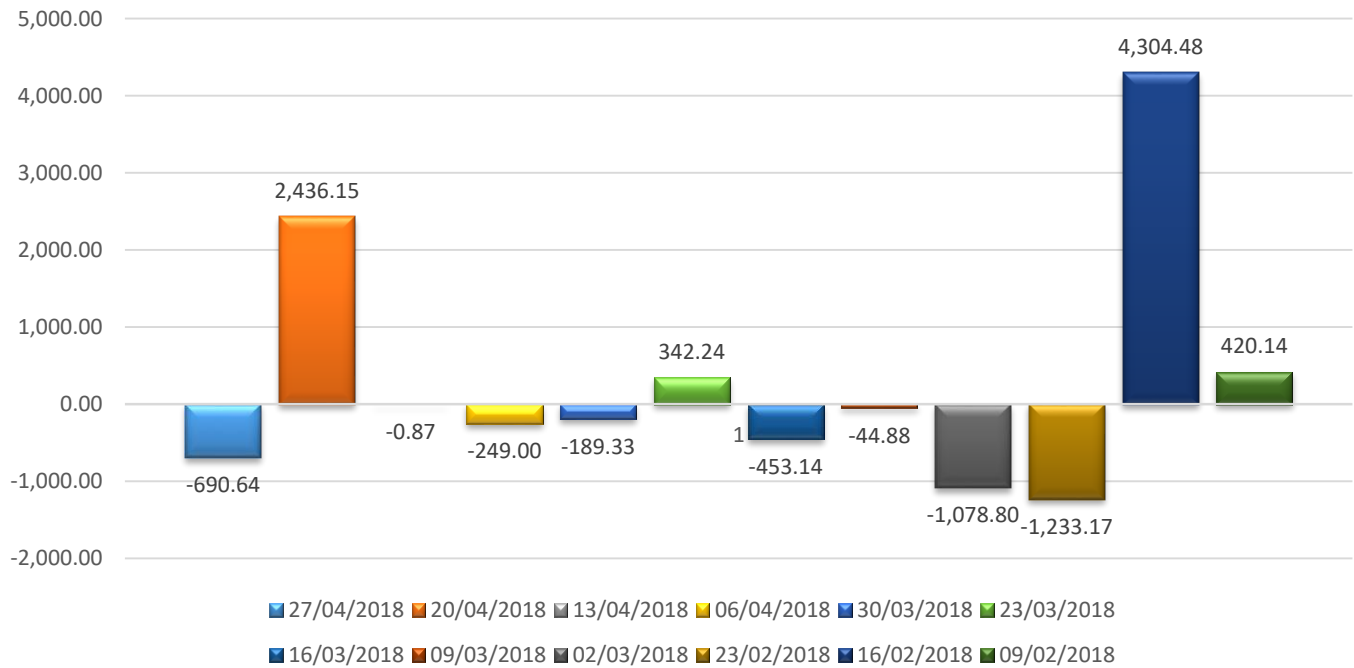
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SBT	18,100	650	3.72%	12,169,700
ASM	14,800	200	1.37%	6,705,370
STB	13,850	500	3.75%	5,678,620
CTG	29,300	1,050	3.72%	5,541,550
SSI	36,000	1,200	3.45%	5,390,690

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

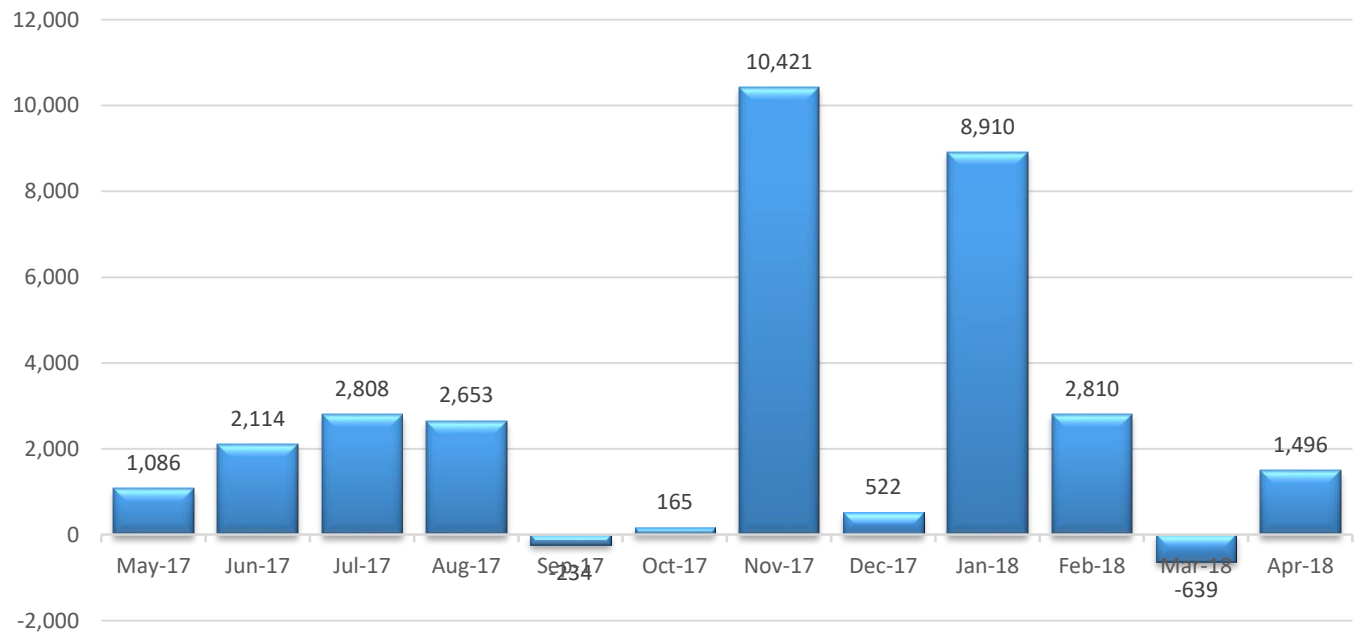
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHB	11,400	600	5.56%	10,558,291
PVS	18,200	-700	-3.70%	5,917,147
ACB	42,400	1,800	4.43%	4,667,596
VCG	18,300	-200	-1.08%	2,169,045
DST	4,900	0	0.00%	3,352,000

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tuần gần nhất (tỷ vnd)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ vnd)



DANH MỤC MỘT SỐ QUỸ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI LỚN TẠI VIỆT NAM THEO NGÀY

Vina Capital (VOF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	13.40%	81,153	21,282	5,278	0.0%	0.0%	10.14	2.51	5,516,751	53,800	95.71%
2	VNM	10.90%	262,679	16,105	7,093	0.0%	0.0%	25.52	11.24	2,216,950	185,000	30.16%
3	ACV	9.00%	194,855	12,556	1,883	0.0%	0.0%	47.52	7.13	195,900	89,500	80.83%
4	KDH	6.30%	14,156	15,517	1,495	0.0%	0.0%	24.42	2.35	451,382	36,500	73.23%
5	PNJ	6.10%	18,053	29,592	7,717	19.4%	30.7%	21.64	5.64	412,833	171,000	97.83%
6	VJC	4.70%	86,658	23,469	11,241	0.0%	0.0%	17.08	8.18	1,470,207	187,000	114.25%
7	QNS	3.20%	12,446	18,382	4,211	0.0%	0.0%	12.12	2.78	242,540	51,800	-45.18%
8	EIB	3.10%	17,888	11,535	666	0.0%	0.0%	21.85	1.26	2,784,087	15,100	31.08%
9	CTD	3.00%	10,420	94,830	21,449	0.0%	0.0%	6.21	1.40	254,553	135,000	-33.19%
10	PVS	2.60%	8,443	24,054	1,792	0.0%	0.0%	10.55	0.79	7,023,220	18,200	18.61%
Tổng		62.80%										

Dragon Capital (VEIL)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	ACB	7.20%	44,030	15,604	2,062	0.0%	0.0%	19.69	2.60	4,041,253	42,400	96.74%
2	MWG	7.20%	32,547	18,632	6,958	0.0%	0.0%	14.49	5.41	649,183	102,000	25.63%
3	MBB	7.07%	51,742	16,226	2,278	1.4%	14.2%	12.51	1.76	6,650,375	29,900	103.10%
4	VNM	6.27%	262,679	16,105	7,093	0.0%	0.0%	25.52	11.24	2,216,950	185,000	30.16%
5	KDH	5.13%	14,156	15,517	1,495	0.0%	0.0%	24.42	2.35	451,382	36,500	73.23%
6	HPG	4.04%	81,153	21,282	5,278	0.0%	0.0%	10.14	2.51	5,516,751	53,800	95.71%
7	FPT	4.00%	29,344	21,525	5,521	0.0%	0.0%	9.96	2.56	2,677,212	57,000	43.30%
8	GAS	3.94%	229,291	22,984	5,231	16.1%	23.3%	22.90	5.21	803,779	111,500	129.90%
9	ACV	3.59%	194,855	12,556	1,883	0.0%	0.0%	47.52	7.13	195,900	89,500	80.83%
10	VJC	3.37%	86,658	23,469	11,241	0.0%	0.0%	17.08	8.18	1,470,207	187,000	114.25%
Tổng		51.81%										

Dragon Capital (VEF)												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDĐQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VPB	14.23%	79,512	21,127	4,671	2.6%	25.8%	11.37	2.51	4,054,848	53,500	0.00%
2	MWG	13.30%	32,547	18,632	6,958	0.0%	0.0%	14.49	5.41	649,183	102,000	25.63%
3	PNJ	8.57%	18,053	29,592	7,717	19.4%	30.7%	21.64	5.64	412,833	171,000	97.83%
4	FPT	4.88%	29,344	21,525	5,521	0.0%	0.0%	9.96	2.56	2,677,212	57,000	43.30%
5	MBB	4.79%	51,742	16,226	2,278	1.4%	14.2%	12.51	1.76	6,650,375	29,900	103.10%
6	DHG	4.63%	13,127	21,307	4,901	15.5%	22.8%	20.49	4.71	312,106	100,000	14.05%
7	CTD	4.60%	10,420	94,830	21,449	0.0%	0.0%	6.21	1.40	254,553	135,000	-33.19%
8	CII	4.18%	8,077	17,633	5,412	0.0%	0.0%	6.06	1.86	1,403,700	31,500	-10.50%
9	CTI	3.52%	2,016	18,663	2,330	0.0%	0.0%	13.73	1.71	506,456	31,800	12.11%
10	VCI	3.41%	10,631	29,931	7,534	15.2%	32.6%	11.76	2.96	205,996	93,000	0.00%
Tổng		62.80%										

VNM ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VIC	9.41%	334,989	12,008	1,692	0.0%	0.0%	75.07	10.58	2,985,029	126,000	214.36%
2	NVL	7.34%	56,513	19,411	3,130	0.0%	0.0%	21.12	3.41	4,832,459	61,500	18.94%
3	VNM	7.23%	262,679	16,105	7,093	0.0%	0.0%	25.52	11.24	2,216,950	185,000	30.16%
4	CTG	7.11%	105,186	17,046	1,996	0.0%	0.0%	14.15	1.66	6,216,774	29,300	70.38%
5	MSN	7.00%	93,435	12,819	2,681	0.0%	0.0%	33.27	6.96	2,001,172	91,800	96.26%
6	ROS	5.46%	38,029	12,003	1,794	0.0%	0.0%	44.82	6.70	1,260,703	86,000	-44.76%
7	HPG	5.30%	81,153	21,282	5,278	0.0%	0.0%	10.14	2.51	5,516,751	53,800	95.71%
8	Mani	5.24%	114	12,356	1,115	0.0%	0.0%	7.08	0.64	19,824	7,900	-6.45%
9	SSI	5.17%	17,395	17,074	2,323	0.0%	0.0%	14.98	2.04	5,797,501	36,000	61.68%
10	Eclat	4.57%	22	16,394	1,648	6.9%	9.6%	7.65	0.77	1,950	12,600	7.69%
11	BVH	3.78%	63,284	20,231	2,286	0.0%	0.0%	40.69	4.60	563,733	92,000	65.11%
12	Synopex	3.76%	873	17,401	7,514	0.0%	0.0%	1.73	0.75	236,609	13,000	-13.66%
13	SOCO	3.29%	4,518	11,979	921	0.0%	0.0%	13.03	1.00	6,347	13,100	0.00%
14	RMIL	3.24%	11	10,220	884	0.0%	0.0%	11.32	0.98	203	10,000	0.00%
15	Hansae	3.04%	1,664	10,784	723	0.0%	0.0%	16.33	1.09	110	11,800	5.05%
16	VCG	2.73%	8,172	14,716	3,037	0.0%	0.0%	6.09	1.26	2,425,791	18,300	35.04%
17	STB	2.52%	24,079	13,124	753	0.4%	5.9%	17.72	1.02	12,211,069	13,850	12.66%
18	SBT	2.44%	9,720	12,619	754	0.0%	0.0%	23.13	1.38	5,275,591	18,100	-27.89%
19	TCH	2.28%	8,849	11,896	1,331	0.0%	0.0%	18.83	2.11	2,004,441	26,800	32.83%
20	MCNEX	1.65%	19	0	-1,325	0.0%	0.0%	-4.00	0.00	146	5,300	-15.74%
21	KDC	1.60%	7,363	30,880	1,715	3.1%	4.5%	20.87	1.16	448,251	36,500	-4.88%
22	DPM	1.52%	7,474	20,529	1,665	6.1%	7.9%	11.47	0.93	930,012	19,100	-12.23%
23	NT2	1.46%	9,126	18,134	2,706	7.6%	15.7%	11.71	1.75	428,916	31,500	14.97%
24	HAG	1.41%	5,008	15,067	326	0.0%	0.0%	16.58	0.36	7,050,737	5,300	-38.57%
25	HSG	1.20%	5,722	15,608	3,500	0.0%	0.0%	4.67	1.05	3,351,238	16,750	-38.87%
26	DCMI	0.22%	6,273	11,574	1,205	0.0%	0.0%	9.83	1.02	1,257,542	12,000	2.44%
27	U.S.Dollar	0.0004	442	15,234	2,327	0.0%	0.0%	6.19	0.95	20,541	14,900	44.68%
Tổng		100%										

FTSE Vietnam Index ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDQB 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	15.60%	81,153	21,282	5,278	0.0%	0.0%	10.14	2.51	5,516,751	53,800	95.71%
2	VIC	15.41%	334,989	12,008	1,692	0.0%	0.0%	75.07	10.58	2,985,029	126,000	214.36%
3	MSN	15.32%	93,435	12,819	2,681	0.0%	0.0%	33.27	6.96	2,001,172	91,800	96.26%
4	VNM	12.55%	262,679	16,105	7,093	0.0%	0.0%	25.52	11.24	2,216,950	185,000	30.16%
5	VCB	6.80%	209,390	15,558	2,887	1.1%	19.2%	20.16	3.74	2,632,066	60,000	69.64%
6	NVL	5.84%	56,513	19,411	3,130	0.0%	0.0%	21.12	3.41	4,832,459	61,500	18.94%
7	ROS	5.14%	38,029	12,003	1,794	0.0%	0.0%	44.82	6.70	1,260,703	86,000	-44.76%
8	PVS	5.10%	8,443	24,054	1,792	0.0%	0.0%	10.55	0.79	7,023,220	18,200	18.61%
9	SSI	4.08%	17,395	17,074	2,323	0.0%	0.0%	14.98	2.04	5,797,501	36,000	61.68%
10	STB	2.88%	24,079	13,124	753	0.4%	5.9%	17.72	1.02	12,211,069	13,850	12.66%
Tổng		88.72%										

MSCI Frontier Markets Index												
STT	Ma CP	% Phân bố	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGD BQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ VNĐ	VNĐ	VNĐ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn VNĐ	%
1	VNM	5.65%	262,679	16,105	7,093	0.0%	0.0%	25.52	11.24	2,216,950	185,000	30.16%
2	VIC	2.76%	334,989	12,008	1,692	0.0%	0.0%	75.07	10.58	2,985,029	126,000	214.36%
3	MSN	1.81%	93,435	12,819	2,681	0.0%	0.0%	33.27	6.96	2,001,172	91,800	96.26%
4	HPG	1.43%	81,153	21,282	5,278	0.0%	0.0%	10.14	2.51	5,516,751	53,800	95.71%
5	ROS	0.63%	38,029	12,003	1,794	0.0%	0.0%	44.82	6.70	1,260,703	86,000	-44.76%
6	NVL	0.58%	56,513	19,411	3,130	0.0%	0.0%	21.12	3.41	4,832,459	61,500	18.94%
7	VRE	0.48%	86,499	13,710	1,066	0.0%	0.0%	42.66	3.32	8,163,619	46,300	0.00%
8	SSI	0.45%	17,395	17,074	2,323	0.0%	0.0%	14.98	2.04	5,797,501	36,000	61.68%
9	STB	0.32%	24,079	13,124	753	0.4%	5.9%	17.72	1.02	12,211,069	13,850	12.66%
10	SAB	0.28%	140,441	20,870	7,347	0.0%	0.0%	29.81	10.49	127,265	213,000	10.71%
11	PVS	0.20%	8,443	24,054	1,792	0.0%	0.0%	10.55	0.79	7,023,220	18,200	18.61%
12	SBT	0.19%	9,720	12,619	754	0.0%	0.0%	23.13	1.38	5,275,591	18,100	-27.89%
13	HSG	0.15%	5,722	15,608	3,500	0.0%	0.0%	4.67	1.05	3,351,238	16,750	-38.87%
14	TCH	0.14%	8,849	11,896	1,331	0.0%	0.0%	18.83	2.11	2,004,441	26,800	32.83%
15	DPM	0.13%	7,474	20,529	1,665	6.1%	7.9%	11.47	0.93	930,012	19,100	-12.23%
16	KBC	0.10%	5,872	17,423	1,229	0.0%	0.0%	10.17	0.72	3,776,835	13,300	-16.39%
Tổng		15.3%										

ĐIỂM TIN NỘI BẬT:

■ Theo Reuters, Việt Nam đang đặt cược lớn vào việc phát triển ngành công nghiệp casino nhằm thu hút du khách Trung Quốc, những người thường xuyên đến để du lịch trong những năm gần đây. Các nhà khai thác casino khác tại Las Vegas bao gồm Las Vegas Sands đã quan tâm đến việc gia nhập thị trường Việt Nam trong nhiều năm qua. Nhưng Sands cho biết họ sẽ chỉ đầu tư một casino nếu người dân địa phương được phép vào chơi tại các casino địa phương.

■ Rủi ro tổn thương trong ngành tài chính tăng, căng thẳng thương mại và địa chính trị tăng, và nợ toàn cầu cao đe dọa đến triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Những quan ngại mới nhất được IMF nhắc đến trong báo cáo Triển vọng Kinh tế thế giới (WEF) của tổ chức này. IMF dự báo kinh tế toàn cầu tăng trưởng được 3,9% trong năm nay và năm sau, cùng lúc đó IMF cảnh báo những rủi ro trong lĩnh vực thương mại sẽ có thể cản trở đà tăng trưởng của kinh tế thế giới. IMF cũng lo lắng về việc nợ trên thế giới lên mức cao kỷ lục, đạt 164 nghìn tỷ USD.

■ Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cho biết, thị trường gỗ và sản phẩm gỗ toàn cầu trị giá hơn 120 tỷ USD/năm, trong khi cung ứng từ Việt Nam chỉ chiếm 6% trong số này. Theo ông Phạm Hồng Lượng, hiện có gần 4.000 doanh nghiệp chế biến gỗ; trong đó, có khoảng 1.500 doanh nghiệp chuyên sản xuất hàng xuất khẩu. Những doanh nghiệp còn lại sản xuất chế biến hàng gia công xuất khẩu hoặc tiêu thụ nội địa. Với những yếu tố trên, năm 2018, ngành chế biến gỗ và thương mại lâm sản Việt Nam tiếp tục có nhiều cơ hội, tiềm năng phát triển, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sẽ đạt khoảng 9 tỷ USD.

■ Theo Bộ Công Thương, xuất khẩu của Việt Nam tăng mạnh về quy mô, lần đầu tiên vượt mốc 200 tỷ USD. So với quy mô xuất khẩu năm 2011 (96,9 tỷ USD), xuất khẩu của Việt Nam sau 7 năm đã bằng 2,21 lần, với tốc độ tăng bình quân đạt 12%/năm. Theo đó, đánh giá về kết quả xuất khẩu năm 2017, lãnh đạo Bộ Công Thương cho biết, tính chung cả năm 2017, kim ngạch xuất khẩu đạt 214 tỷ USD, tăng 21,2% so với năm 2016, vượt xa chỉ tiêu Quốc hội và Chính phủ giao cho ngành công thương.

■ Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc vừa ký Quyết định 437/QĐ-TTg về việc kế hoạch vay, trả nợ của Chính phủ và các hạn mức vay nợ năm 2018. Thủ tướng phê duyệt kế hoạch vay của Chính phủ năm 2018 là 384.000 tỷ đồng (tương đương gần 16,8 tỷ USD), gồm: Vay trong nước 275.970 tỷ đồng và nước ngoài 108.030 tỷ đồng, trong đó, vay cho cân đối ngân sách nhà nước 341.770 tỷ đồng, trong đó vay để bù đắp bội chi là 195.000 tỷ đồng và vay để trả nợ gốc là 146.770 tỷ đồng; vay về cho vay lại 42.230 tỷ đồng. Quyết định của Thủ tướng cũng phê duyệt kế hoạch trả nợ của Chính phủ năm 2018 là 256.769 tỷ đồng (tương đương 11,3 tỷ USD). Trong đó, trả nợ trực tiếp của Chính phủ năm 2018 là 256.769 tỷ đồng; trả nợ của các dự án vay lại 18.561 tỷ đồng.

- Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đóng vai trò ngày càng quan trọng trong hoạt động xuất khẩu của kinh tế đất nước. Tỷ lệ đóng góp của khu vực FDI (không kể đầu thô) trong tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước tăng từ mức 49,4% năm 2011 lên mức 71% năm 2017. Nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam đều có sự đóng góp của khu vực FDI, đặc biệt là nhóm hàng công nghiệp chế biến như: Điện thoại các loại và linh kiện, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện... Tính riêng quý I/2018, xuất khẩu của các DN có vốn đầu tư nước ngoài (không kể đầu thô) đạt 39,8 tỷ USD, tăng hơn 27% và chiếm 71,6% tổng kim ngạch xuất khẩu.
- Theo Hiệp hội Thép Việt Nam, sản xuất thép tháng 3 đạt hơn 2,1 triệu tấn, tăng 39% so với tháng 2. Bán hàng các sản phẩm thép đạt 1,8 triệu tấn, tăng 35% so với tháng trước đó. Xuất khẩu thép tháng 3 đạt 432.287 tấn, tăng 18,6% so với tháng 2 và tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm 2017. Tính chung trong quý 1, sản xuất đạt gần 5,8 triệu tấn, tăng 25% so với cùng kỳ năm 2017. Bán hàng đạt hơn 4,8 triệu tấn, tăng 29% so với cùng kỳ năm ngoái; trong đó xuất khẩu đạt 1,15 triệu tấn, tăng 38,6% so với cùng kỳ 2017.
- Tập đoàn IPP muốn huy động nguồn vốn khoảng 50 tỷ USD vào đặc khu kinh tế Bắc Vân Phong. Về cơ sở hạ tầng như: năng lượng, viễn thông, giao thông, hệ thống cung cấp nước... sẽ được đầu tư với kinh phí từ 3 đến 10 tỷ USD; sân bay khoảng 5 tỷ USD và đầu tư khoảng 5 tỷ USD xây dựng cảng nước sâu với dịch vụ vận tải hàng hải, đường bộ, logistic; các dịch vụ phục vụ cho cảng sẽ có vốn đầu tư khoảng 3 tỷ USD.
- Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) đã đưa ra cảnh báo về việc suy giảm dòng vốn đầu tư vào các thị trường mới nổi với mức trung bình khoảng 40 tỷ USD trong năm 2018 và 2019. Theo ước tính, với mức lãi suất dự kiến đạt 3,6% vào đầu năm 2020 tại Mỹ và trong điều kiện bình thường, không có sự gia tăng rủi ro đối với các nhà đầu tư, dòng vốn chảy vào các thị trường mới nổi được dự báo sẽ giảm trung bình 40 tỷ USD mỗi năm giai đoạn 2018 – 2019. IMF cũng cảnh báo rằng, việc gia tăng lãi suất từ Mỹ sẽ ảnh hưởng đến sự tăng trưởng và làm trầm trọng thêm các rủi ro tài chính đối với các quốc gia có chế độ *tỷ giá hối đoái* cố định.
- Báo cáo mới nhất của Ngân hàng Thế giới (WB) cho biết, trong năm 2017, kiều hối về Việt Nam đạt khoảng 13,8 tỷ USD, tăng 16% so với năm 2016, nằm trong top 10 nước nhận kiều hối cao nhất thế giới. Các nước nhận kiều hối lớn nhất năm 2017 là Ấn Độ (69 tỷ USD), Trung Quốc (64 tỷ USD) và Philippines (31 tỷ USD). Theo báo cáo này, trong năm 2017, 266 triệu lao động nước ngoài đã gửi về các nước đang phát triển số tiền kỷ lục 466 tỷ USD. Với lượng kiều hối chuyển về Việt Nam khá lớn trong năm 2017, nhiều dự báo cho rằng áp lực với kiều hối năm nay khá lớn do chính sách nhập cư của Tổng thống Mỹ Donald Trump tiếp tục được đẩy mạnh, cộng thêm với giá USD có xu hướng tăng thêm với tín hiệu nâng lãi suất USD từ Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed)... sẽ hạn chế dòng kiều hối chuyển về Việt Nam.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO NGÀY

	Cổ phiếu	Giá Mua cao nhất	Giá Bán cao nhất	Cắt lỗ	Giá đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	DHA	29.3	32.5	26.7	29.5	29.0					Chờ khớp
	GDT	49.0	54.3	44.6	49.9	48.5					Chờ khớp
	NKG	22.7	25.2	20.7	23.0	22.5					Chờ khớp
	PLX	60.8	67.4	55.4	61.7	60.2					Chờ khớp
	VSC	34.3	38.1	31.3	34.8	34.0					Chờ khớp
	QNS	51.5	57.1	46.9	51.8	51.0					Chờ khớp
Danh Mục Đang Năm Giữ	BTP	12.1	13.4	11.0	12.1	12.0		26/04/2018		0.4%	Nắm giữ
	LCG	10.3	11.4	9.4	10.1	10.2		26/04/2018		-1.0%	Nắm giữ
	TV2	115.8	128.5	105.5	114.0	114.7		26/04/2018		-0.6%	Nắm giữ
	MWG	104.5	115.9	95.2	102.0	103.5		26/04/2018		-1.4%	Nắm giữ
	NT2	32.2	35.7	29.3	31.5	31.9		23/04/2018		-1.3%	Nắm giữ
	LSS	9.5	10.5	8.6	9.1	9.4		16/04/2018		-2.8%	Nắm giữ
	PET	10.9	12.1	9.9	10.4	10.8		12/04/2018		-3.7%	Nắm giữ
	VCA	16.9	18.7	15.4	18.2	16.7		13/04/2018		-1.2%	Cần bán
	HMC	15.7	17.4	14.3	16.9	15.5		21/03/2018		8.7%	Nắm giữ
LTG	42.1	46.7	38.4	39.4	41.7		16/03/2018		-5.5%	Nắm giữ	
Danh Mục Đã Bán	CEO	10.8	12.0	9.8	11.5	10.7	12.5	21/02/2018	26/03/2018	16.8%	Đã bán
	CMG	25.0	27.8	22.8	28.7	24.8	29.5	14/03/2018	11/04/2018	19.0%	Đã bán
	CCL	4.0	4.4	3.6	4.4	4.0	4.4	02/12/2018	27/03/2018	11.1%	Đã bán
	QNS	51.1	56.7	46.6	55.80	50.60	57.5	05/02/2018	30/03/2018	13.6%	Đã bán
	VCS	227.5	252.2	207.2	127.00	225.20	127.0	03/02/2018	10/04/2018	16.3%	Đã bán
	VNM	202.0	224.0	184.0	207.0	200.0	207.0	22/02/2018	30/03/2018	3.5%	Đã bán
	CAV	51.5	57.1	46.9	53.5	51.0	51.1	13/04/2018	24/04/2018	0.2%	Đã bán
	VMC	51.5	57.1	46.9	48.0	51.0	51.4	10/04/2018	24/04/2018	0.8%	Đã bán
	PVT	20.0	22.2	18.2	20.3	19.8	20.2	16/03/2018	27/03/2018	2.0%	Đã bán
	SCR	12.4	13.8	11.3	12.6	12.3	12.7	05/03/2018	26/03/2018	3.3%	Đã bán
	TDH	14.8	16.5	13.5	15.2	14.7	15.2	05/03/2018	26/03/2018	3.4%	Đã bán
	DHG	108.1	119.8	98.4	112.3	107.0	113.0	21/03/2018	09/04/2018	5.6%	Đã bán
	SAB	229.8	254.8	209.3	228.0	227.5	228.5	11/04/2018	19/04/2018	0.4%	Đã bán
DGW	27.0	29.9	24.6	27.2	26.7	27.2	11/04/2018	27/04/2018	1.9%	Đã bán	

Liên hệ trung tâm nghiên cứu VNCS:

Lưu Chí Kháng

Chuyên viên phân tích - P.Phân Tích

Mobile: 0946 976 245

Email: khanglc@vn-cs.com, khangluuchi@gmail.com.

Đỗ Thị Hường

Trợ lý phân tích - P.Phân Tích

Mobile: 0983 126 496

Email: huongdt@vn-cs.com.

Email: vncs.research@vn-cs.com

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền năm 2018 thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS.

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099

Webiste: www.vn-cs.com